TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2023/HS-ST
Ngày: 05-01-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Hoàng Linh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Viết Xứng

Ông Vũ Trung Thành

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Đào Thị Quỳnh Nga - Thư ký Tòa án nhân dân Huyện Đ, tỉnh Bình Phước.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa:*** Ông Tạ Văn Phú - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 91/2022/TLST-HS ngày 30 tháng 11 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 94/2022/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 12 năm 2022 và Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số 11/2022/TB-TA ngày 27 tháng 12 năm 2022, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Thị Thanh T**, sinh năm 2000, tại tỉnh Bình Phước; Hộ khẩu thường trú: Ấp S2, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 03/12; Giới tính: Nữ; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Thạch Q, sinh năm 1974 và bà Huỳnh Thị Tr, sinh năm 1974; Bị cáo có 01 anh ruột sinh năm 1996; Bị cáo chưa có chồng, con; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam từ ngày 21/9/2022 cho đến nay, tại Nhà tạm giữ Công an huyện Đ. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

+ Bị hại: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1984; Địa chỉ: Số nhà 292, tổ 7, thôn C, xã R, huyện R, tỉnh Bình Phước. (có mặt)

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Kiều Thị Thu Tr, sinh năm 1996; Địa chỉ: Thôn L, xã R, huyện R, tỉnh Bình Phước. (vắng mặt)

2. Bà Nguyễn Thị Hoài D, sinh năm 1954; Địa chỉ: Thôn C, xã R, huyện R, tỉnh Bình Phước. (Đề nghị xét xử vắng mặt)

3. Ông Nguyễn Phúc C, sinh năm 1958; Địa chỉ: Thôn C, xã R, huyện R, tỉnh Bình Phước. (Đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bị cáo Nguyễn Thị Thanh T bị Viện kiểm sát nhân dân (KSND) Huyện Đ, tỉnh Bình Phước truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 11 giờ 00 phút ngày 24/4/2022, Nguyễn Văn H điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave, biển số 93P2-472.56 đến phòng trọ của Nguyễn Thị Thanh T, Lê Thị Huỳnh N chơi. Tại đây, cả ba cùng uống rượu đến khoảng 13 giờ 00 phút cùng ngày, T rủ H đi tìm Lê Minh Ch uống rượu tiếp thì H đồng ý. Khi đến khu vực hồ chứa nước Đồng Xoài thuộc ấp H2, xã L, huyện Đ; H mệt nên xuống xe, ngồi nghỉ bên đường và giao xe mô tô biển số 93P2-472.56 cho T tiếp tục đi tìm Ch. Do Ch bận công việc, từ chối uống rượu nên T chở N quay về. Trên đường về, T ghé đổ xăng thì thấy trong cốp xe có 01 tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A3S màu đỏ, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 93P2-472.56 mang tên Kiều Thị Thu Tr, 01 CCCD mang tên Nguyễn Văn H nên T nảy sinh ý định chiếm đoạt. T lấy 200.000 đồng trả tiền xăng. Sau đó, T đến cửa hàng R1 tại xã R, huyện R do bà Nguyễn Thị Hoài D làm chủ cầm cố điện thoại di động của H được 800.000 đồng rồi T điều khiển xe mô tô biển số 93P2-472.56 chở N đi Thành phố Cần Thơ chơi.

Ngày 06/5/2022, T điều khiển xe mô tô biển số 93P2-472.56 chở N quay lại thành phố Đ. T đến tiệm cầm đồ T tại phường T, thành phố Đ do ông Nguyễn Phúc C làm chủ cầm cố xe mô tô biển số 93P2-472.56 của H lấy số tiền 7.000.000 đồng. T dùng 3.000.000 đồng chuộc lại xe mô tô của T đã cầm cố trước đó rồi T chở N xuống Thành phố Cần Thơ chơi, tại đây T tiếp tục cầm cố xe mô tô của T để tiêu xài cá nhân.

Về phía bị hại Nguyễn Văn H, ngày 06/5/2022 anh H biết T đã cầm cố xe mô tô của mình nên đến Công an xã L trình báo vụ việc. Công an xã L đã xác minh, thu hồi xe mô tô, điện thoại di động, giấy tờ sau đó chuyển hồ sơ cùng vật chứng đến Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ giải quyết theo thẩm quyền.

Quá trình điều tra, Nguyễn Thị Thanh T đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình như trên.

Theo Kết luận định giá tài sản số 27/KL-HĐĐGTS ngày 19/5/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đ, kết luận: Tại thời điểm ngày 24/4/2022, 01 (một) xe mô tô hiệu Honda, loại Wave, màu sơn xanh đen bạc, biển số 93P2 - 472.56 (mua lại tại thời điểm tháng 10/2021) có giá trị là 9.800.000 đồng (chín triệu tám trăm nghìn đồng).

Theo Kết luận định giá tài sản số 53/KL-HĐĐGTS ngày 22/9/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đ, kết luận: Tại thời điểm ngày 24/4/2022, 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Oppo, loại A3S, màu đỏ trị giá 400.000 đồng (bốn trăm nghìn đồng).

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Tại Cáo trạng số 94/CT-VKS ngày 28/11/2022, Viện KSND huyện Đ, tỉnh Bình Phước đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị Thanh T về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 (BLHS).

Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo; đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Thanh T phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản". Về hình phạt: Đề nghị áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175; b, i, s, khoản 1, khoản 2, Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 54 BLHS, Điều 328 BLTTHS, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thanh T thời hạn tù bằng thời hạn tạm giam và tuyên trả tự do cho bị cáo tại phiên tòa; miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Các vấn đề khác đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định theo quy định pháp luật.

- Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, không tranh luận gì thêm và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của các Cơ quan tiến hành tố tụng và Người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định trên. Do đó, các hành vi và quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, Người tiến hành tố tụng đã thực hiện là đúng pháp luật.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như sau: Trong ngày ngày 24/4/2022, lợi dụng sự tin tưởng của bị hại Nguyễn Văn H nên bị cáo đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của bị hại, cụ thể: Bị cáo lấy 200.000 đồng để đổ xăng, lấy 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A3S màu đỏ cầm cố được 800.000 đồng và ngày 06/5/2022, bị cáo tiếp tục đưa đi cầm cố 01 xe mô tô biển số 93P2-472.56 của bị hại được 7.000.000 đồng. Số tiền cầm cố có được bị cáo đã tiền tiêu xài cá nhân. Khi bị cáo thực hiện hành vi thì chị Lê Thị Huỳnh N có ngăn cản nhưng bị cáo vẫn thực hiện.

Xét lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố (BL 78-81); lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (BL 94-107); Kết luận định giá (BL 15, 17B) và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Như vậy, Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận: Ngày 24/4/2022, sau khi được Nguyễn Văn H tin tưởng giao xe mô tô biển số 93P2 - 472.56 cùng một số tài sản, giấy tờ bên trong cốp xe, bị cáo đã nảy sinh ý định chiếm đoạt, lấy tiền mệnh giá 200.000 đồng đổ xăng, đem cầm cố tài sản là điện thoại di động, xe mô tô lấy

tiền tiêu xài. Tổng trị giá tài sản chiếm đoạt là 10.400.000 đồng (Mười triệu bốn trăm nghìn đồng). Hành vi nêu trên của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 1 Điều 175 BLHS.

Đối với Lê Thị Huỳnh N là người đi cùng bị cáo, nhưng trong suốt quá trình bị cáo chiếm đoạt tài sản, chị N đã có hành động ngăn cản nên không đồng phạm với T; chị N không biết cụ thể số tiền chi tiêu là do phạm tội mà có nên không phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có". Hành vi không tố giác tội phạm của chị N chưa đến mức xử lý hình sự theo quy định tại Điều 390 BLHS. Do đó, Viện kiểm sát không đề cập xử lý trong vụ án nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với Nguyễn Thị Hoài D, Nguyễn Phúc C là người nhận cầm cố điện thoại di động, xe mô tô nhưng không biết do T phạm tội mà có nên Viện kiểm sát không đề cập xử lý nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ nhận định trên nhận thấy bản Cáo trạng số 94/CT-VKS ngày 28/11/2022 của Viện kiểm sát truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo là người đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức và làm chủ được hành vi của mình. Bị cáo nhận thức được việc lợi dụng sự tin tưởng của bị hại khi cho bị cáo mượn xe mô tô và bị cáo mang tài sản của bị hại đi cầm cố lấy tiêu xài cá nhân là vi phạm pháp luật. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương.

[4] Xét bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả; tài sản chiếm đoạt đã được thu hồi; bị cáo có trình độ học vấn thấp nên khả năng nhận thức pháp luật hạn chế; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS được áp dụng khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

Bị cáo có nhân thân tốt.

[5] Căn cứ tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, xét thấy cần xử phạt bị cáo một mức hình phạt tương xứng với hành vi bị cáo đã thực hiện. Tuy nhiên, xét bị cáo đã bị tạm giam một thời gian cũng đã đủ răn đe, làm cho bị cáo nhận thức được hành vi phạm tội. Bị cáo có khả năng tự cải tạo nên không cần thiết tiếp tục áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo mà tạo điều kiện để bị cáo khắc phục, sửa chữa bản thân.

Do bị cáo làm thuê, không có thu nhập nên miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu theo quy định pháp luật.

[8] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Thanh T phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

2. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 38, 50, 54 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị Thanh T 03 (ba) tháng 15 (mười lăm)** ngày tù.

Áp dụng Điều 328 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015: Tuyên trả tự do cho bị cáo Nguyễn Thị Thanh T ngay tại phiên tòa nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

3. Án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 135 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Nguyễn Thị Thanh T phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

4. Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Phước (01);
- VKSND tỉnh Bình Phước (01)
- VKSND Huyện Đ (01);
- Chi cục THADS Huyện Đ (01);
- PV06 - CA tỉnh Bình Phước (01);
- Công an Hện (gồm: Nhà tạm giữ, Đội hồ sơ nghiệp vụ, Đội điều tra CA Hện) (03);
- TT lý lịch tư pháp - Sở Tư pháp tỉnh Bình Phước (01);
- UBND cấp xã nơi bị cáo cư trú (01);
- Bị cáo; người tham gia tố tụng (01);
- Lưu (02).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký và đóng dấu)

Vũ Hoàng Linh